

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2019/HS-PT

Ngày 10-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Hoàng Anh

2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 289/2019/HSPT ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Võ Hồng Ngọc B và Trần Minh T do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2019/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Trần Minh T (tên gọi khác: D); giới tính: nam; sinh ngày 11 tháng 10 năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A đường BĐ, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: phòng số D, nhà số A2 đường NTL, Phường B2, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: TMT và bà: NTDT; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2011); tiền sự: không; tiền án: không;

Nhân thân: bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ năm 2013 đến năm 2015 (BL 139), sau đó được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú từ ngày 21/12/2015 đến ngày 21/12/2017 (BL 143, 144);

Bị bắt, tạm giam từ ngày: 24/11/2018 (có mặt).

2. Võ Hồng Ngọc B; giới tính: nữ; sinh ngày 14 tháng 6 năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A3 đường XVNT, Phường B3, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: căn hộ D1 chung cư NC, số A4 đường MCT,

phường B4, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông: VHT (chết) và bà: NTNL; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có chồng, con; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam từ ngày: 25/11/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 24/11/2018, khi phát hiện bà NTCP điều khiển xe mô tô Honda Winner biển số 59U1-YYYYY chở Võ Hồng Ngọc B (ngồi sau không đội mũ bảo hiểm) có dấu hiệu nghi vấn nên Tổ tuần tra kết hợp giữa Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Công an Phường 13, quận Bình Thạnh yêu cầu dừng xe phía trước nhà số B4 đường BL, Phường B2, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh rồi mời về trụ sở Công an phường làm việc. Qua kiểm tra không phát hiện thấy ma túy nhưng thu giữ được điện thoại di động của bị cáo B có tài khoản zalo BV còn lưu nội dung tin nhắn về việc bị cáo đã thuê chồng của bà P (chung sống như vợ chồng, có 01 con chung nhưng không đăng ký kết hôn) là bị cáo Trần Minh T bán trái phép chất ma túy.

Vào lúc 22 giờ 30 phút cùng ngày, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy kết hợp với Công an Phường 13, quận Bình Thạnh kiểm tra hành chính, khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo T tại phòng số D, nhà số A2 đường NTL, Phường B2, quận C, phát hiện và thu giữ: 19,5225 gam, loại Ketamine; 82,4104 gam, loại Methamphetamine; 1,0741 gam, loại MDMA; 01 cân điện tử để cân ma túy do bị cáo B giao cho bị cáo T cất giữ bán cho khách của B, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng không sim có tài khoản zalo Tuan Minh của bị cáo T với những tin nhắn về việc B đã thuê T bán ma túy trước đó; 01 bình sử dụng ma túy đã bị cáo T tàng trữ để sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Hồng Ngọc B khai nhận quen biết các đối tượng Hải, Hùng, Bọc nhưng không biết tên thật và lai lịch.

Sáng ngày 22/11/2018, đối tượng Bọc gọi điện thoại cho B hỏi mua “3,5 lạng ma túy đá” (tức Methamphetamine) và “1 hộp 10 ma túy khay” (tức Ketamine) nên bị cáo B đã gọi điện thoại và được đối tượng Hùng báo ma túy đá giá 133.000.000 đồng, nếu mua lẻ 01 hộp 10 ma túy khay giá 8.500.000 đồng, còn mua 3 hộp 10 ma túy khay giá 22.500.000 đồng. Bị cáo đồng ý mua của Hùng 3,5 lạng ma túy đá và 3 hộp 10 ma túy khay. Để kiếm lời, bị cáo gọi báo cho đối tượng Bọc ma túy đá giá 140.000.000 đồng, còn ma túy khay giá 9.000.000 đồng đồng và đối tượng Bọc đã đồng ý mua, giao cho bị cáo 149.000.000 đồng.

Sáng ngày 23/11/2018, Võ Hồng Ngọc B đem 155.000.000 đồng đến khu vực Cầu Thị Nghè, quận Bình Thạnh mua ma túy của đối tượng Hùng như đã thỏa thuận. Đối tượng Hùng còn giao thêm cho bị cáo B 01 cân điện tử. Sau đó, bị cáo B thuê xe Grab mang toàn bộ ma túy và cân điện tử này đến cho T tại địa chỉ nhà số 10A/1 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, nhắn Trần

Minh T giao cho Bọc “3,5 lạng ma túy đá” và “1 hộp 10 ma túy khay”, còn lại “2 hộp 10 ma túy khay” cất giữ đến khi nào có người mua B sẽ nói giao. Bị cáo T dùng cân điện tử cân 10 gam Ketamine (tức 1 hộp 10 ma túy khay) để giao cùng với gói 3,5 lạng ma túy đá cho Bọc tại khu vực phía ngoài nhà trọ nơi T ở, nhận 5.000.000 đồng tiền công từ B ngày 24/11/2018, cất giữ 19,5225 gam Ketamine (tức 2 hộp 10 ma túy khay) còn lại để bán sau theo yêu cầu của B.

Ngoài ra, Võ Hồng Ngọc B đã giới thiệu Trần Minh T với đối tượng Hải khi đi ăn uống chung. Bị cáo T khai liên lạc với đối tượng Hải bằng điện thoại di động. Đối tượng Hải 02 lần dùng dịch vụ Grab đưa mỗi lần 01 lạng ma túy đá đến để bị cáo T giao cho người mua của đối tượng Hải và bị cáo T không được yêu cầu nhận tiền từ người mua. Đối tượng Hải trả công cho bị cáo T 5.000.000 đồng/ lần và ma túy đá nói là hàng pha nên T không bán mà tàng trữ để sử dụng và bị thu giữ số còn lại là 82,4104 gam Methamphetamine nêu trên.

Võ Hồng Ngọc B không biết đối tượng Hải là người mua bán trái phép chất ma túy, không biết việc đối tượng Hải thuê T giao ma túy.

Ngoài ra, Trần Minh T còn tàng trữ để sử dụng 1,0741 gam MDMA là số ma túy được bạn cho khi đi chơi ở quán bar.

Bà NTCP không biết việc mua bán trái phép ma túy giữa hai bị cáo.

Tại Kết luận giám định số 74/KLGD-H ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 44-45):

- Gói 1: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,3899 gam, loại Methamphetamine.
- Gói 2: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 40,2246 gam, loại Methamphetamine.
- Gói 3:
 - + Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m3 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 13,5250 gam, loại Methamphetamine.
 - + 01 viên nén hình tròn màu xanh có khắc chữ “LV” được ký hiệu mẫu m4 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3242 gam, loại MDMA.
 - + 02 viên nén màu xanh lá được ký hiệu mẫu m5 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7499 gam, loại MDMA.
- Gói 4: Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m6 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 19,5225 gam, loại Ketamine.
- Gói 5: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m7 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 27,2709 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2019/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T (D) phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Võ Hồng Ngọc B phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T).

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đối với bị cáo B).

Xử phạt:

1. Bị cáo Trần Minh T (D) 09 (chín) năm tù về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” và 10 (mười) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2018.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Bị cáo Võ Hồng Ngọc B 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 105/2019/TB-TA với nội dung:

Về nội dung: tại trang 01 dòng thứ 04 tính từ dưới lên; trang 02 dòng thứ 04 tính từ trên xuống; tại trang 07 dòng thứ 04, 06 và 07 tính từ dưới lên đã ghi “30/11/2018”, “Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước”, “01/12/2018” và tại trang 08 dòng thứ 03 tính từ trên xuống không ghi buộc bị cáo T phải nộp sung công quỹ Nhà nước tiền thu lợi bất chính.

Do sai sót trong khâu đánh máy và dò án;

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

“24/11/2018”, Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước, “25/11/2018”.

“Buộc bị cáo Trần Minh T nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền 15.000.000 (mười lăm) triệu đồng thu lợi bất chính”.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 6 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSND Q.BTH với nội dung:

1. Kháng nghị sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2019/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đối với phần hình phạt bị cáo Võ Hồng Ngọc B, về truy thu tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội đối với bị cáo Trần Minh T.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng:

- Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Võ Hồng Ngọc B;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự quyết định truy thu số tiền 15.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo Trần Minh T;

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự quyết định thời hạn tù đối với bị cáo Trần Minh T tính từ ngày 24/11/2018, đối với bị cáo Võ Hồng Ngọc B tính từ ngày 25/11/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh T, Võ Hồng Ngọc B khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm ghi nhận. Bị cáo T đề nghị xem xét việc buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo B đề nghị xem xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn để không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết của vụ án, nhận định sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 105/2019/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2019 sửa chữa, bổ sung một số nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2019/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019; tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong đó, bị cáo B là chủ mưu lôi kéo bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, điều kiện kinh tế của bị cáo B tốt hơn bị cáo T, trên cơ sở đảm bảo tính bình đẳng trước pháp luật theo Điều 9 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 và theo sự phân hóa tội phạm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 24/11/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy kết hợp với Công an Phường 13, quận Bình Thạnh kiểm tra hành chính, khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Trần Minh T tại phòng số D, nhà số A2 đường NTL, Phường B2, quận C, thu giữ các chất qua giám định là ma túy cùng một số tang vật khác, phù hợp với nội dung tin nhắn tại tài khoản zalo BV của Võ Hồng Ngọc B. Quá trình điều tra thể hiện Võ Hồng Ngọc B và Trần Minh T có hành vi mua đi bán lại chất ma túy để thu lợi; trong đó, bị cáo T đã bán giúp ma túy giúp bị cáo B 01 lần, cất giữ 19,5225 gam, loại Ketamine còn lại để bán; bán giúp cho đối tượng Hải 02 lần, thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo B phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, số ma túy 82,4104 gam, loại Methamphetamine và 1,0741 gam, loại MDMA do bị cáo T cất giấu với mục đích sử dụng, thuộc trường hợp

quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điều khoản tương ứng và xử phạt bị cáo T 09 (chín) năm tù về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” và 10 (mười) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo B 06 (sáu) năm tù về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội.

[2] Quyết định kháng nghị phúc thẩm trong hạn luật định nên được xem xét.

[3] Xét kháng nghị phúc thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Võ Hồng Ngọc B:

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện nguồn gốc ma túy là của Võ Hồng Ngọc B giao cho Trần Minh T bán và thực tế bị cáo T đã bán được ma túy cho đối tượng Bọc như đã nêu, phần còn lại (19,5225 gam, loại Ketamine) T đã cất giữ để bán sau theo yêu cầu của B. Như vậy, việc áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo B là phù hợp với diễn biến vụ án. Hội đồng xét xử chấp nhận lập luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận phần nội dung kháng nghị phúc thẩm về việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị cáo B nộp phạt 5.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[3.2] Đối với yêu cầu áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự quyết định truy thu số tiền 15.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo Trần Minh T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận khi bán ma túy giúp cho đối tượng Hải, bị cáo được trả công số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện chỉ có lời khai của bị cáo T về việc trả công này nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo nộp lại số tiền trên. Riêng số tiền công 5.000.000 đồng, bị cáo B và bị cáo T đều thừa nhận việc B trả công cho T nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị phần nội dung này, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2019/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh (đã được Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 105/2019/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2019 bổ sung), buộc bị cáo T nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[3.3] Đối với yêu cầu áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự quyết định thời hạn tù đối với bị cáo Trần Minh T tính từ ngày 24/11/2018, đối với bị cáo Võ Hồng Ngọc B tính từ ngày 25/11/2018:

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 (cùng thời điểm với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSND Q.BTH), căn cứ vào Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm ngày 12 tháng 6 năm 2019 và tài liệu thực tế lưu tại hồ sơ vụ án (Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24/11/2018 đối với Trần

Minh T - BL 33-35; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp cùng ngày 25/11/2018 đối với Võ Hồng Ngọc B - BL 70, 72), Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã có Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 105/2019/TB-TA về các nội dung trên. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận phần nội dung kháng nghị này.

[3.4] Riêng đối với nội dung ghi nhận tại Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 105/2019/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T (sửa chữa từ “Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước” thành “Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước”): Tuy nội dung này không có kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (phạm vi xét xử phúc thẩm), để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo T trên cơ sở phù hợp với nội dung điều luật áp dụng “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”, Hội đồng xét xử sửa chữa nội dung bản án sơ thẩm (đã được Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 105/2019/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2019 sửa chữa) thành “Phạt bổ sung bị cáo Trần Minh T (D) số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước”.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSND Q.BTH ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T (D) phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Võ Hồng Ngọc B phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T)

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo B)

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt:

1. Bị cáo Trần Minh T (D) 09 (chín) năm tù về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” và 10 (mười) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2018.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Minh T (D) số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Bị cáo Võ Hồng Ngọc B 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2018.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Hồng Ngọc B số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Minh T (D) nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 (năm triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo không nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Bình Thạnh; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (2)
- Thi hành án quận Bình Thạnh; (2)
- TAND quận Bình Thạnh; (1)
- Công an quận Bình Thạnh; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (4)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (29) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan